

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/No.: 111 /2024/QĐ-HĐQT

Tây Ninh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Tay Ninh, february 06, 2024

QUYẾT ĐỊNH
DECISION

(V/v: Thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin

Reagrding: To approve on the promulgation of Regulations on information disclosure)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THE BOARD OF DIRECTORS

THANH THANH CONG – BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020/ Pursuant to Circular no. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020/Pursuant to Cicular no. 116/2020/TT-BTC dated December 31, 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hoà/ Pursuant to the Charter of Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company;
- Căn cứ nội dung Biên bản họp số 110 /2024/BBH-HĐQT ngày 06 / 02 /2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa/ Pursuant to Meeting Minutes No. 110 /2024/BBH-HDQT dated February 06 , 2024 of The Board of Directors of Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company.

QUYẾT ĐỊNH/DECISION:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

Article 1. To promulgate the regulations on information disclosure of Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company attached to this Decision.

Điều 2. Giao cho Phòng Quan hệ Nhà Đầu tư và Truyền Thông và Phòng Chính sách – Pháp chế làm đầu mối quản lý và chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện và tuân thủ Quy chế này.

Article 2. To assign Investor Relations and Public Relations Department, and Policy and Legal

Department to be in charge of moderator and responsible for implementation and compliance with this Regulation.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Article 3. *This Decision takes effect as of the signing date. Members of the BODs, relevant departments and individuals take responsibility to perform this Decision.*

Nơi nhận/Recipients:

- Như Điều 3 (để thực hiện)/ As Article 3 (for implementation);
- HĐQT (để báo cáo)/ BODs (for report);
- Ủy ban Kiểm toán (để biết)/ Audit Committee (for information);
- Lưu: Thư ký Công ty/ Archived: Corporate Secretary.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/

FOR AND ON BEHALF OF THE BODs

Chủ tịch HĐQT/ Chairlady of the BODs



HUỲNH BÍCH NGỌC

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 5. Phương tiện báo cáo và công bố thông tin.....	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin	6
CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
Điều 7. Các trường hợp công bố thông tin	6
Điều 8. Thời hạn và nội dung công bố thông tin	6
Điều 9. Trình tự Công bố thông tin	7
Điều 10. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố/ báo cáo	8
CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	8
Điều 11. Trách nhiệm của Đơn vị phụ trách công bố thông tin	8
Điều 12. Trách nhiệm các Đơn vị chuyên môn	9
Điều 13. Điều khoản thi hành.....	9

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ chế công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật, đồng thời quy định việc phối hợp giữa các Đơn vị, Đơn vị chuyên môn thuộc Công ty và các đối tượng liên quan khác (nếu có) trong việc thực hiện nghĩa vụ CBTT, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của thông tin công bố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các cá nhân, đơn vị liên quan đến hoạt động CBTT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa
2. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
3. SGDCK: Sở Giao dịch chứng khoán
4. HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
5. HNX: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
6. TCTLKBTK: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (chuyển đổi từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam)
7. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
8. HĐQT: Hội đồng quản trị
9. CBTT: là viết tắt của cụm từ công bố thông tin. CBTT là việc Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
10. BCTC: Báo cáo tài chính
11. Đối tượng khác: bao gồm Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ; Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; Cổ đông hoặc nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
12. Người nội bộ của Công ty bao gồm:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

- c. Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng;
 - d. Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin;
 - e. Thư ký công ty, người phụ trách quản trị Công ty.
13. Người có liên quan của Người nội bộ: là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.
14. Cổ đông lớn: là Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
15. Ban Điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
16. Đơn vị: bao gồm Văn phòng, Khối, Phòng, Ban, Bộ phận, Đơn vị... thuộc Công ty, được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.
17. Đơn vị chuyên môn: là Đơn vị chịu trách nhiệm chuẩn bị nội dung CBTT liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đó.
18. ĐVCBTT: là viết tắt của cụm từ Đơn vị phụ trách CBTT. ĐVCBTT chịu trách nhiệm thực hiện thủ tục CBTT thông qua các phương tiện báo cáo và CBTT. ĐVCBTT tại Công ty là Đơn vị phụ trách lĩnh vực Quan hệ nhà đầu tư.
19. Luật Chứng khoán 2019: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
20. Luật Doanh nghiệp 2020: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.
21. Quy chế thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán: Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Trung Tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Tổng Giám đốc Lưu ký Chứng khoán Việt Nam).
22. Quyết định 21: Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con (Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam).
23. Nghị định 155: Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.
24. Nghị định 153: Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế được Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.
25. Nghị định 65: Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế được Chính Phủ ban hành ngày 16/09/2022, có hiệu lực kể từ ngày 16/09/2022.

26. Nghị định 01: Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp được Chính Phủ ban hành ngày 04/01/2021, có hiệu lực kể từ ngày 04/01/2021.
27. Thông tư 96: Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021.
28. Thông tư 122: Thông tư 122/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.
29. Thông tư 118: Thông tư số 118/2020/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Các thông tin công bố phải đầy đủ, chính xác, rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư và kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDC thực hiện công khai thông tin.
3. Việc CBTT của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện (gọi chung là “**Người CBTT**”). Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại

bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

4. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
5. Quá trình tập hợp, công bố, lưu giữ và bảo quản các thông tin cần công bố phải được thực hiện theo đúng các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.
6. Ngôn ngữ công bố thông tin là tiếng Việt. Trong trường hợp ngôn ngữ công bố thông tin là tiếng Việt và tiếng Anh theo quy định pháp luật và/hoặc theo nhu cầu của Công ty, thì tiếng Anh là ngôn ngữ có tính tham khảo.
7. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung thay đổi và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến UBCKNN, SGDCK nơi có nghĩa vụ công bố thông tin.
8. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin sẽ vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 5. Phương tiện báo cáo và công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện báo cáo, công bố thông tin sau:
 - a. Trang thông tin điện tử <https://ttcagris.com.vn/> của Công ty ("**Website Công ty**") và các kênh truyền thông nội bộ khác (nếu có) của Công ty.
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố khác theo Quy chế của SGDCK.
 - d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường

hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố nêu tại khoản 1 trên đây.

3. Công ty phải lập trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó. Công ty phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và các lý do bất khả kháng khác), Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi sự kiện xảy ra (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Các trường hợp công bố thông tin

1. Các trường hợp công bố thông tin bao gồm:
 - a) Công bố thông tin định kỳ;
 - b) Công bố thông tin bất thường;
 - c) Công bố thông tin theo yêu cầu;
 - d) Công bố thông tin về các hoạt động khác;
 - e) Công bố thông tin của các đối tượng khác;
 - f) Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty.
2. Các trường hợp công bố thông tin cụ thể được quy định chi tiết tại Phụ lục 1– Chế độ báo cáo và công bố thông tin đính kèm Quy chế này.

Điều 8. Thời hạn và nội dung công bố thông tin

1. Đối với các trường hợp CBTT định kỳ:

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01 Soát xét: 01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	--------------------------------------	---

- a) Nội dung thông tin công bố định kỳ phải được chuẩn bị trước ngày cần CBTT theo quy định pháp luật ít nhất 03 (ba) ngày.
 - b) ĐVCBTT thực hiện CBTT trước thời hạn CBTT cuối cùng ít nhất 01 (một) ngày trong trường hợp nhận đủ tài liệu CBTT đúng thời hạn điểm a khoản 1 Điều này.
2. Đối với các trường hợp CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT của Đối tượng khác theo quy định của pháp luật:
- a) Nội dung thông tin công bố bất thường phải được chuẩn bị trước thời hạn cuối cùng phải CBTT theo quy định pháp luật ít nhất 18 (mười tám) giờ.
 - b) ĐVCBTT thực hiện CBTT trước thời hạn cuối cùng phải CBTT trước ít nhất 12 (mười hai) giờ trong trường hợp nhận đủ tài liệu CBTT đúng thời hạn điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 9. Trình tự Công bố thông tin

Trình tự	Bộ phận chịu trách nhiệm
Bước 1: Thông báo thông tin công bố định kỳ/ bất thường	a. Công bố định kỳ Đơn vị chuyên môn: - Thông báo thông tin phải công bố tới các Đơn vị/ phòng/ Ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung và thời hạn thông tin cần công bố. b. Công bố bất thường Đơn vị chuyên môn: - Liên hệ trao đổi, thông báo với ĐVCBTT để biết thông tin phát sinh có thuộc trường hợp cần CBTT theo Quy định pháp luật; - Đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để ĐVCBTT thực hiện CBTT kịp thời theo quy định.
Bước 2: Cung cấp thông tin định kỳ/ bất thường	Đơn vị/ Phòng/Ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có): - Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo định kỳ.
Bước 3: Xem xét nội dung	ĐVCBTT:

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01 Soát xét: 01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	--------------------------------------	---

	- Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ trước khi tiến hành CBTT; - Yêu cầu Đơn vị chuyên môn sửa đổi, hiệu chỉnh nội dung CBTT (nếu có); - Trình Người CBTT phê duyệt nội dung CBTT trước khi tiến hành CBTT.
Bước 4: CBTT	ĐVCBTT: - Thực hiện CBTT trên các phương tiện theo quy định của Quy chế này; - CBTT đúng thời hạn đến các phương tiện báo cáo và CBTT theo quy định tại Quy chế này; - Đảm bảo các thông tin công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các phương tiện CBTT theo quy định của Quy chế này.
Bước 5: Lưu trữ	Tuân thủ theo Điều 10 Quy chế này

Điều 10. Bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố/ báo cáo

1. ĐVCBTT, Các Đơn vị chuyên môn theo quy định của Quy chế này thực hiện việc lưu giữ, bảo quản thông tin đã báo cáo, công bố tại trụ sở chính/văn phòng làm việc của Công ty.
2. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
3. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Đơn vị phụ trách công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng nội dung Quy chế này.
2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của thông tin cần công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT và thực hiện CBTT theo quy định.
3. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Ban lãnh đạo về việc thực hiện CBTT.
4. Thực hiện các công việc khác được giao.

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01 Soát xét: 01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	---	--

Điều 12. Trách nhiệm các Đơn vị chuyên môn

1. Các Đơn vị chuyên môn liên quan đến hoạt động CBTT phải thực hiện CBTT theo đúng quy định của Quy chế này.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin cung cấp.
3. Mọi vi phạm liên quan đến việc CBTT đều bị xử lý theo quy định tại Nội quy lao động, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật liên quan.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Đối với các vấn đề có liên quan đến việc CBTT không được quy định tại Quy chế này sẽ thực hiện theo quy định pháp luật về CBTT hiện hành.
2. Trường hợp quy định tại Quy chế này không phù hợp với quy định pháp luật (bao gồm trường hợp pháp luật có thay đổi mà Quy chế này chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời), Công ty thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC LỤC

I.	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ	2
II.	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG	10
III.	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU	18
IV.	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	19
V.	CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	21
VI.	CÔNG BỐ THÔNG TIN KHI THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	24

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Điều 14 Thông tư 96)				
1.1	BCTC Quý (khoản 3 Điều 14 Thông tư 96)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý;	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX đối với trường hợp có trái phiếu niêm yết Website Công ty	- BCTC Quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”. - Nội dung Báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán Việt Nam. - Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC riêng và BCTC hợp nhất.	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán
1.2	BCTC Bán niên được soát xét (khoản 2 Điều 14 Thông tư 96)	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX đối với trường hợp có trái phiếu niêm yết	- BCTC Bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty.	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán (Phối hợp với Đơn vị Kiểm toán bên ngoài)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
		được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Website Công ty	- Nội dung Báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán Việt Nam. - Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC riêng và BCTC hợp nhất. - BCTC Bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN. - Trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần, Công ty gửi BCTC kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty.	
1.3	BCTC Năm đã được kiểm toán (khoản 1 Điều 10 Thông tư 96)	Trong 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán nhưng	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE	- BCTC năm: BCTC riêng, BCTC hợp nhất	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
		không quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Phương tiện CBTT của HNX đối với trường hợp có trái phiếu niêm yết Website Công ty	- Nội dung Báo cáo: báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán. - Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên (<i>Điều 298 Nghị định 155</i>). - BCTC Năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN. - Nếu kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC, Công ty phải công bố BCTC năm, BC kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty.	(Phối hợp với Tổ chức kiểm toán)



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: CSPC/QC-01/PL01
Hiệu lực: 06 /02 /2024

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
Lưu ý	Khi công bố thông tin về các BCTC tại các tiểu mục 1.1, 1.2 và 1.3 nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.				
2	Báo cáo thường niên <i>(khoản 2 Điều 10 Thông tư 96)</i>	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX đối với trường hợp có trái phiếu niêm yết Website Công ty	- Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV Thông tư 96; - Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm được kiểm toán.	Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
3	THÔNG TIN VỀ CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN <i>(khoản 3 Điều 10 Thông tư 96)</i>				

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
3.1	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cổ đông tham dự họp	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. <i>(Điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư 96, khoản 2.2 Điều 9 Quy chế thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán)</i>	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX TCTLKBTCK Website Công ty	- Công ty CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; - Công ty nộp hồ sơ cho TCTLKBTCK thông báo về ngày đăng ký cuối cùng gồm: (i) Thông báo theo <i>Mẫu 07/THQ</i> ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán và (ii) Bản sao tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	Đơn vị phụ trách Pháp chế
3.2	Thông báo mời họp, Chương trình họp, Phiếu biểu quyết, Tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, nếu Điều lệ Công ty	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX TCTLKBTCK Website Công ty	Nội dung CBTT nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Thông báo mời họp: phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, những	Các Đơn vị chuyên môn liên quan tùy từng nội dung cụ thể

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
	với từng vấn đề trong Chương trình hợp	không quy định thời hạn dài hơn (Điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư 96).		yêu cầu khác đối với người dự họp, nơi và cách thức tải tài liệu kèm theo. Thông báo mời họp ngoài việc CBTT đồng thời được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; - Chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong Chương trình họp và tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua các Tờ trình; - Tài liệu sử dụng trong cuộc họp. Nếu xác định được trước ứng cử viên thành viên HĐQT, thông tin liên quan đến ứng cử viên phải được công bố chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá	

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
				trình công tác, các quy định khác theo Điều lệ công ty (<i>khoản 1 Điều 274 Nghị định 155</i>). - Công ty phải CBTT khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung Tài liệu hợp (nếu có).	
3.3	Biên bản họp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ lúc Nghị quyết được thông qua (<i>Điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 96</i>).	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX Website Công ty		Thư ký Công ty
4	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ (<i>khoản 4 Điều 10 Thông tư 96</i>)				
4.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty giữa niên độ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX Website Công ty	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96	Thư ký Công ty; Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán; Đơn vị phụ trách



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: CSPC/QC-01/PL01
Hiệu lực: 06 /02 /2024

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CBTT VÀ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/ BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
					Quan hệ Nhà đầu tư)
4.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty cả năm	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX Website Công ty	Thực hiện theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96	Thư ký Công ty; Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán; Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư)

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG (khoản 2 Điều 11 Quyết định 21)

A. CÁC TRƯỜNG HỢP CÔNG BỐ TRONG VÒNG 24 GIỜ KỂ TỪ KHI XẢY RA (khoản 1 Điều 11 Thông tư 96)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/BÁO CÁO	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHCĐCĐ/HĐQT		
1.1	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX	Đơn vị phụ trách Tài chính
1.2	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Website Công ty	Đơn vị phụ trách Tài chính
1.3	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập		Đơn vị phụ trách Tài chính

	mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.		Đơn vị phụ trách pháp lý
1.4	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.		Đơn vị phụ trách Kế toán
1.5	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.		Đơn vị phụ trách Tài chính
1.6	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.		Đơn vị phụ trách Tài chính
1.7	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất.		Đơn vị phụ trách Tài chính
1.8	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ		Đơn vị phụ trách Tài chính

1.9	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).		Đơn vị phụ trách Tài chính
1.10	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)		Đơn vị phụ trách Tài chính
2	KHI CÓ SỰ THAY ĐỔI SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT ĐANG LƯU HÀNH		
2.1	Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu: tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE	Đơn vị phụ trách Tài chính – Kế toán Đơn vị phụ trách Pháp lý
2.2	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ: tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Website Công ty	
2.3	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông: Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.		
3	KHI CÓ BIẾN ĐỘNG VỀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN SỰ CHỦ CHỐT		



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: CSPC/QC-01/PL01
Hiệu lực: 06 /02 /2024

	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	Đơn vị phụ trách Nhân sự
4	TỔ TỤNG, VI PHẠM HÀNH CHÍNH		
4.1	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.	Hệ thống CBTT của UBCKNN	Đơn vị phụ trách Pháp lý
4.2	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	
5	CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		
5.1	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE	Đơn vị phụ trách Pháp lý Đơn vị phụ trách Tài chính
5.2	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Website Công ty	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư

5.3	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.		
5.4	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.		Đơn vị phụ trách Tài chính
5.5	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.		Đơn vị phụ trách Tài chính – Kế toán
5.6	Khi nhận được văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		Đơn vị phụ trách Pháp lý
Lưu ý	a. Khi công bố các trường hợp tại Mục A này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). b. Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, Công ty thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại <i>Phụ lục I</i> ban hành kèm theo Quyết định 21 và gửi kèm bản cung cấp thông tin người nội bộ mới theo <i>Phụ lục III</i> tại Thông tư số 96 trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực.		

	PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01/PL01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	---	--

	c. Công ty thực hiện đăng ký mô hình công ty, loại báo cáo tài chính CBTT khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định tại tiêu mục 1.3 và tiêu mục 1.5 trên đây theo mẫu quy định tại <i>Phụ lục IV</i> ban hành kèm theo Quyết định 21. d. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, Công ty CBTT theo quy định tại mục 2 trên đây và mẫu quy định tại <i>Phụ lục V</i> ban hành kèm theo Quyết định 21. e. Đối với các thông tin công bố bất thường khác, Công ty CBTT theo mẫu quy định tại <i>Phụ lục VI</i> ban hành kèm theo Quyết định 21.
--	--

B. CÁC TRƯỜNG HỢP CÔNG BỐ KHÁC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/BÁO CÁO	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	THÔNG TIN VỀ VIỆC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG DƯỚI HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN <i>(khoản 3 Điều 11 Thông tư 96)</i>			
1.2	Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng và Tài liệu về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty phải công bố thông tin, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Công ty không	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE TCTLKBTCK	Đơn vị phụ trách pháp lý

	quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.	quy định thời hạn khác dài hơn	Website Công ty	
1.3	Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Trong vòng 24 giờ kể từ khi Nghị quyết được thông qua	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	
2	THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU <i>(khoản 4 Điều 11 Thông tư 96)</i>			
	Trong các trường hợp khác ngoài trường hợp hợp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE TCTLKBTK Website Công ty	Tùy từng trường hợp
3	THÔNG TIN VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN HOẶC KẾT LUẬN SOÁT XÉT, KẾT QUẢ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ <i>(khoản 5 Điều 11 Thông tư 96)</i>			
3.1	Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét báo cáo tài chính trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính	Đồng thời với việc công bố BCTC	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán

	PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01/PL01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	---	--

3.2	Công ty phải công bố thông tin về kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố	Đồng thời với việc công bố BCTC		
4	THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH SAU KHI THAY ĐỔI KỲ KẾ TOÁN <i>(khoản 6 Điều 11 Thông tư 96)</i>			
	Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	Đơn vị phụ trách Quan hệ nhà đầu tư Đơn vị phụ trách Tài chính - Kế toán
Lưu ý	Đối với các trường hợp tại mục B, Công ty CBTT theo mẫu quy định tại <i>Phụ lục VI</i> ban hành kèm theo Quyết định 21.			

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU (khoản 3 Quyết định 21)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/BÁO CÁO	YÊU CẦU	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư (Điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư 96)	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, HOSE yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư
2	Thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó (Điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư 96)				

	PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01/PL01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	---	--

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC (khoản 4 Điều 11 Quyết định 21)

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/BÁO CÁO	CƠ SỞ PHÁP LÝ	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	Hoạt động chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn (Khoản 1 Điều 13 Thông tư 96)	Thực hiện theo quy định pháp luật đối với từng trường hợp chào bán hoặc phát hành chứng khoán	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Phương tiện CBTT của HNX Website Công ty	Nghị định 155, Nghị định 153, Thông tư 96, Thông tư 122 và các quy định pháp luật liên quan	Đơn vị phụ trách Tài chính Đơn vị phụ trách pháp lý
2	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này (Khoản 2 Điều 13 Thông tư 96)	Thực hiện theo quy định pháp luật	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE TCTLKBTK Website Công ty	Nghị định 155 và các quy định pháp luật liên quan	Đơn vị phụ trách Quan hệ Nhà đầu tư
3	Thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ. Lưu ý: Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh	Thực hiện theo quy định pháp luật	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	Khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 10 và Điều 13 Thông tư 118	Đơn vị phụ trách Tài chính Đơn vị phụ trách pháp lý



PHỤ LỤC 01
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: CSPC/QC-01/PL01
Hiệu lực: 06 /02 /2024

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/BÁO CÁO	CƠ SỞ PHÁP LÝ	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
	toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu. <i>(Khoản 3 Điều 13 Thông tư 96)</i>				

	PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01/PL01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	---	--

V. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ/ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ/BÁO CÁO	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	Thông tin về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán. (Điều 20 Quyết định 21)			
1.1	Tổ chức, cá nhân trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; hoặc nhóm người có liên quan khi bắt đầu hoặc không còn sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Lưu ý: Dùng mẫu tại <i>Phụ lục VII</i> ban hành kèm theo Thông tư 96 (khoản 1 Điều 31 Thông tư 96)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Công ty	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư
1.2	Cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư

	thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết Lưu ý: Dùng mẫu tại <i>Phụ lục VIII</i> ban hành kèm theo Thông tư 96 (<i>khoản 2 Điều 31 Thông tư 96</i>)		Công ty	
1.3	Đối với trường hợp chính Công ty là nhà đầu tư tại mục 1.1 và mục 1.2 nêu trên, Công ty thực hiện CBTT và báo cáo cho công ty đại chúng nơi mình đầu tư.	Tương tự quy định tại mục 1.1 và mục 1.2	Công ty đại chúng nơi Công ty đầu tư	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư Đơn vị phụ trách Tài chính
Ghi chú: - Nếu Các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty đại chúng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty đại chúng phát hành thêm cổ phiếu thì không thực hiện nghĩa vụ CBTT tại mục 1.1 và 1.2 nêu trên. - Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định Mục này.				
2	Thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (<i>Điều 22 Quyết định 21</i>)			
2.1	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Công ty	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư

	Lưu ý: dùng mẫu quy định tại <i>Phụ lục XIII</i> hoặc <i>Phụ lục XIV</i> ban hành kèm theo Thông tư 96 (<i>Điểm a khoản 1 Điều 33 Thông tư 96</i>)			
2.2	Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) Lưu ý: dùng mẫu quy định tại <i>Phụ lục XV</i> hoặc <i>Phụ lục XVI</i> ban hành kèm theo Thông tư 96 (<i>Điểm đ khoản 1 Điều 33 Thông tư 96</i>)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Hệ thống CBTT của UBCKNN Phương tiện CBTT của HOSE Công ty	
2.3	Công ty CBTT về các sự kiện tại Mục 2.1 và 2.2 nêu trên (<i>khoản 7 Điều 33 Thông tư 96</i>)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan	Website Công ty	
Lưu ý	Người nội bộ của Công ty và người liên quan của họ CBTT và báo cáo trước và sau khi giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối			

	với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HOSE (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác) (khoản 1 Điều 33 Thông tư 96).			
3	Thông tin về giao dịch chào mua công khai (Điều 23 Quyết định 21)			
3.1	Công ty công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua công khai (khoản 2 Điều 86 Nghị định 155)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Phương tiện CBTT của HOSE Website Công ty	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư
3.2	HĐQT Công ty công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai Lưu ý: Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT Công ty phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT Công ty có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này. (Điều 87 Nghị định 155)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Hệ thống CBTT của UBCKNN Website Công ty	Đơn vị phụ trách quan hệ nhà đầu tư

VI. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHI THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP (Điều 35 Nghị định 01)

	PHỤ LỤC 01 CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: CSPC/QC-01/PL01 Hiệu lực: 06 /02 /2024
---	---	--

STT	NỘI DUNG CÔNG BỐ	THỜI GIAN CÔNG BỐ	PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ NƠI NHẬN THÔNG TIN CÔNG BỐ	ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN
1	Nội dung thay đổi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Công ty đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh công bố thông tin thông qua nội dung Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Biểu mẫu có sẵn nội dung như sau: <i>“Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”</i>	Thông tin công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Đơn vị phụ trách pháp lý